

XÃ HỘI THỰC NGHIỆM**MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM TRONG LỐI SỐNG
CỦA MỘT CỘNG ĐỒNG CÔNG GIÁO
Ở NGOẠI THÀNH HÀ NỘI**

NGUYỄN ĐỨC TRUYỀN*

Khi nhìn nhận những biến đổi gần đây trong đời sống tôn giáo ở nông thôn nói chung và của người nông dân công giáo nói riêng, chúng ta có nhận xét chung là nó đang được phục hồi dưới nhiều hình thức sinh hoạt tôn giáo khác nhau và ở thái độ tham gia khá phổ biến của nhiều cộng đồng nông dân khác nhau.

Sự biến đổi nay phải chăng có quan hệ mật thiết với những biến đổi kinh tế - xã hội hiện nay, khi hộ gia đình đang trở nên có vị trí kinh tế chủ đạo trong đời sống xã hội? Sự đề cao hộ gia đình kéo theo sự củng cố và phục hồi các thiết chế gia đình, cộng đồng truyền thống. Bản thân các cộng đồng ấy đang tìm cách để tăng cường các yếu tố hòa nhập cộng đồng và tăng cường sự giám sát xã hội tới hành vi của các thành viên thông qua các thiết chế và sinh hoạt tôn giáo.

Xuất phát từ giả thuyết lý luận ở trên, phải chăng có thể xác lập mối quan hệ giữa những biến đổi của đời sống tôn giáo với một số hiện tượng đáng xem xét về nhân cách và văn hóa hiện nay? Sự tìm tòi theo hướng này đã trở thành mục tiêu của cuộc nghiên cứu thăm dò về lối sống của một cộng đồng giáo dân ở Hà Nội (xã Di Nậu, huyện Thạch Thất) do Phòng Xã hội học Lối sống và Tôn giáo thực hiện tháng 1-1991.

Một số điều tra xã hội học trước đây đã chỉ rõ là các nhóm dân cư nông thôn miền Bắc dành ưu tiên đáng kể cho các thực tiễn xã hội tôn giáo nhằm củng cố và tăng cường các quan hệ gia đình, gia tộc và cộng đồng. Đó là các chi phí cho hoạt động "hiếu hi, giỗ chạp", thường chỉ thua kém những ưu tiên hàng đầu là "ăn", "mặc", "ở" và "sản xuất". Kết quả điều tra ở xã Di Nậu cho chúng ta thấy một trật tự ưu tiên sau:

1. Ăn + sản xuất:	22%
2. Ăn, mặc, chi tiêu hàng ngày:	21%
3. Ăn + làm, sửa nhà cửa:	21%
4. Ăn + hiếu hi, giỗ chạp:	12%
5. Ăn + mua sắm + sản xuất:	9%
6. Ăn + chi tiêu + học hành:	8%
7. Ăn + ốm đau:	7%

Đây là một cộng đồng công giáo ở ngoại thành Hà Nội, nhưng chúng ta cũng có thể thấy những nét tương đồng căn bản trong các thực tiễn xã hội và tôn giáo của họ so với các cộng đồng bên lương khác ở vùng đất đó. Dù theo công giáo, một tôn giáo phương Tây, song trong thực tiễn nó cũng vẫn hướng vào nội dung củng cố các quan hệ gia đình, gia tộc và cộng đồng cả trong quan hệ tín ngưỡng lẫn trong quản hệ địa vực (làng, xóm truyền thống). Tuy nhiên, ngoài những mặc cảm xã hội-chính trị của người công giáo do trải qua những cuộc chiến tranh chống ; ngoại xâm từ phương Tây phần nào tạo ra sự kém hòa nhập của họ vào các tổ chức và hoạt động xã hội chung, hay trong vấn đề hạn chế sinh đẻ, cho con cái đi học ở những trình độ cao. Các cộng đồng này đều duy trì được một nền nếp sinh hoạt xã hội truyền thống như quan hệ gia đình quan hệ trong cộng đồng tốt đẹp. Tỷ lệ ly hôn và tệ nạn xã hội như rượu chè, cờ bạc, trộm cắp phạm tội hầu như không đáng kể.

*. Trường phòng nghiên cứu Xã hội học Lối sống - Tôn giáo, Viện Xã hội học.

Trong đời sống gia đình, tôn giáo cũng góp phần quan trọng vào sự hướng dẫn các quan hệ và hành vi ứng xử. Sự cầu kinh hàng ngày ở nhà hay ở nhà thờ cũng đều mang tính chất răn dạy và giáo huấn cho các sinh hoạt gia đình và với mọi người xung quanh. Tính chất gia trưởng phụ quyền có phần bi không chế bởi những điều răn tôn giáo. Trong các công việc gia đình và sản xuất sự trao đổi nhất trí giữa vợ chồng và con cái thường có một tỷ lệ khá cao, mà không có xu hướng tập trung quyền hành vào người bố như ở các vùng không công giáo có tiềm lực sản xuất hàng hóa hiện nay. Tỷ lệ các gia đình có sự nhất trí bàn bạc của vợ chồng khi quyết định các công việc quan trọng là như sau :

1. Sản xuất:	32%
2. Chi tiêu:	24%
3. Hôn nhân:	14%
4. Nghề nghiệp:	23%
5. Làm nhà:	32%
6. Mua sắm lớn:	42%

Cùng với gia đình, gia tộc, thiết chế tôn giáo cũng đã tham gia vào việc giáo dục trẻ em, dàn xếp các quan hệ gia đình, số hộ gia đình ở Dị Nậu nhờ đến vai trò "họ đạo" trong các quan hệ gia đình và xã hội như sau:

1. Giáo dục con cái:	9% (bố mẹ 40% họ hàng 13%)
2. Quan hệ cha mẹ-con cái:	12% (bố mẹ 29%, họ hàng 16%)
3. Quan hệ vợ chồng:	16% (bố mẹ 28 %, họ hàng 12%)
4. Xử sự với bố mẹ già:	5% (bố mẹ 24%, họ hàng 13%)
5. Quan hệ với làng xóm:	11% (bố mẹ 17%, họ hàng 25%)
6. Tìm việc làm:	6% (bố mẹ 15%, họ hàng 42%)

Cũng chính vì thực tiễn tôn giáo đã góp phần tạo nên sự cố kết thường xuyên cho các quan hệ gia đình, cộng đồng và xã hội, nên nó trở thành mối quan tâm chung trong cộng đồng của họ. Các sinh hoạt tôn giáo trở nên có vị trí trung tâm trong đời sống mỗi người. Chỉ số tham gia các buổi họp sản xuất, tôn giáo và đoàn thể giúp chúng ta hiểu rõ thêm vị trí của các sinh hoạt tôn giáo trong đời sống cộng đồng hiện nay:

1. Họp đại hội xã viên:	56%
2. Họp đội sản xuất:	84%
3. Họp hội tôn giáo:	23%
4. Họp đoàn thể:	11%

Mối quan tâm tới các sinh hoạt tôn giáo tỏ ra có phần nào chiếm ưu thế so với các sinh hoạt xã hội khác thể hiện qua các chỉ báo sau:

1. Thích họp hội tôn giáo :	11%
2. Thích họp đại hội xã viên:	4%
3. Các cuộc họp như nhau:	14%
4. Thích họp đội sản xuất:	7%

Trong những năm gần đây, đời sống tôn giáo có sự phục hưng khá mạnh mẽ. Người ta đã triệt để khai thác quan hệ tôn giáo đã củng cố đời sống gia đình, gia tộc và cộng đồng của họ. Mức độ tham gia thường xuyên các buổi hành lễ là như sau:

1. Lễ trọng:	90%
2. Lễ Misa:	86%
3. Lễ ban thánh thể:	74%
4. Lễ xưng tội:	74%
5. Đi nhà thờ:	76%
6. Cầu nguyện ở nhà:	96%

Mối quan hệ giữa tín ngưỡng (niềm tin) và đời sống cộng đồng (thiết chế - bổn phận) đã làm cho sự kiểm soát xã hội chặt chẽ hơn ở bất cứ cộng đồng cư dân nào không phải là công giáo. Dù rằng mật hạn chế của đời sống tôn giáo có thể biểu hiện ở chỗ nó hạn chế tính năng động trong kinh tế, cơ cấu xã hội-nghề nghiệp ở xã Di Nậu chỉ giản đơn là làm ruộng và nề + mộc. Nhưng trên bình diện xã hội, nó đã tạo ra được một nếp sống cần cù lao động, sống có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng, và ngăn chặn được những tệ nạn, tiêu cực xã hội. Đó là nếp sống lành mạnh trong một hoàn cảnh sống còn khó khăn vật chất như hiện tại.

Khi tìm hiểu các giá trị của đồng bào giáo dân ở Di Nậu, chúng tôi thấy họ tập trung vào các giá trị đạo đức và xã hội truyền thống sau: "không phạm trọng tội", giữ gìn tín ngưỡng "gia đình yên ấm" . . .

1. Không mắc tội trọng:	100%
2. Giữ gìn tín ngưỡng:	100%
3. Gia đình yên ấm:	83%
4. Người chết lên thiên đàng:	83%
5. Thế giới bình yên:	32%
6. Mọi người được hạnh phúc:	32%
7. Cầu sức khỏe:	17%
8. Cầu may:	17%
9. Đời sống vật chất đầy đủ:	51%
10. Con cái tiến bộ:	17%

Với những nguyên tắc căn bản ấy, cho dù con in đậm tình thân tín ngưỡng khi nỗ lực gắn liền với những tín điều tôn giáo về "đời sống sau khi chết" và "thiên đàng", những người giáo dân đã có được những chỉ dẫn chặt chẽ. và thường xuyên trong các hoạt động sống của mình. Đó là sự ràng buộc giữa con người cá thể với những quy tắc gia đình, cộng đồng đã được mọi người thừa nhận và lý tưởng hóa.

Khi hỏi về những hành vi xã hội nào ảnh hưởng xấu tới niềm tin tôn giáo của mình, những người giáo dân ở Di Nậu cho rằng "nạo thai", "rượu chè, cờ bạc, hút sách" và "ly dị, ngoại tình, hủ hoá" là những điều cấm kỵ quan trọng nhất đối với họ. Các chỉ số được sắp xếp như sau:

1. Nạo thai, rượu chè, cờ bạc, ly dị, ngoại tình:	100%
2. Ít đi nhà thờ, sao nhãng học kinh bổn:	69%
3. Không thờ cúng tổ tiên:	19%
4. Áp dụng các biện pháp tránh thai:	9%

Nếu như đời sống tôn giáo tín ngưỡng nhấn mạnh chủ yếu vào các thiết chế gia đình, cộng đồng và xã hội như vậy thì cách nhìn của chúng ta với các hoạt động tôn giáo cũng cần có sự phân tích phê phán và gạn lọc những nét căn bản là tích cực của chúng. Tính chất cực đoan và bảo thủ của các tín điều liên quan tới vấn đề "sinh đẻ có kế hoạch" thực sự là thuộc về trình độ của giáo dân, còn những người có tri thức và hiểu biết đều coi điều đó không ảnh hưởng gì tới niềm tin của họ. Do đó những tác động của đời sống xã hội đến đời sống giáo dân hoàn toàn có thể thay đổi quan niệm của họ, cả những tín điều được coi là hệ trọng nhất. Thực tiễn tôn giáo về căn bản cũng là thực tiễn xã hội do con người tạo ra trong đời sống chung, nên tất yếu nó cũng phải tùy thuộc vào các nhân tố chi phối và cấu thành nó.

Khi hỏi về quan niệm "người ta có còn một cuộc sống khác không sau khi chết?" thì 90% người được hỏi đều khẳng định là "có", còn 5% khẳng định là "không có" và 5% nói là "không rõ". Thực trạng này là bằng chứng cho cách nhìn biện chứng đối với thực tiễn tôn giáo, dù nó là cơ bản nhất hay bảo thủ nhất, mà chúng ta hoàn toàn có thể chi phối theo đà tiến triển của toàn xã hội.

Một vài chỉ báo trên đây có lẽ chưa đủ để chúng ta đưa ra những khẳng định về những vấn đề tôn giáo hiện nay, nhưng ít ra nó cũng giúp chúng ta có dịp thẩm định lại vị trí của các giá trị tôn giáo trong đời sống xã hội và tinh thần của đất nước ta hiện nay.

Ở trình độ của các quan hệ xã hội hiện tại, nhất là ở nông thôn, các thiết chế gia đình, cộng đồng hiển nhiên vẫn còn có một vai trò quan trọng trong việc hình thành nhân cách và đạo đức xã hội cho mỗi con người. Cách truyền đạt các giá trị truyền thống thường xuyên gắn với những giá trị tôn giáo vốn đã ăn sâu trong tiềm thức và phù hợp với trình độ của họ.

Tuy nhiên, các cấu trúc gia đình và cộng đồng mà thiết chế tôn giáo ở đây tham gia trú tạo và củng cố,

không hoàn toàn là những cái mà chúng ta đang mong muốn ở hiện tại. Đó là mô hình gia đình và cộng đồng mang nặng tính truyền thống ở những trình độ còn rất hạn chế. Người ta chăm lo họ đạo hơn là chăm lo đời sống cộng đồng chung với những người không công giáo. Họ nhấn mạnh vào tinh thần và đức tin công giáo cho con em mình hơn là đề cao các giá trị xã hội chung của toàn xã hội. Chính vì thế mà bản sắc công giáo vẫn là cái nổi bật hàng đầu so với mọi bản sắc xã hội và cộng đồng khác. Do đó chúng ta không thể chờ đợi quá nhiều ở sự hòa nhập tự nhiên của các cộng đồng tôn giáo trong cộng đồng xã hội và dân tộc. Nó cần phải được định hướng cả trên thực tiễn lẫn trong thế giới biểu tượng.

Sự tham gia xã hội của từng cá nhân có thể vượt ra ngoài khuôn khổ cộng đồng, có thể giúp họ nhìn nhận lại các giá trị cộng đồng, bởi lúc đó trình độ nhận thức của họ đã cho phép họ lý giải các thiết chế xã hội ở bên ngoài các quan niệm tín ngưỡng và tôn giáo. Đó là nhờ vai trò tác động hết sức quan trọng của thực tiễn xã hội đối với ý thức tôn giáo của mỗi người.

Sự gạt bỏ những yếu tố và giá trị tích cực của đời sống tôn giáo trong toàn bộ cuộc sống kinh tế xã hội của chúng ta hiện nay đồng thời với việc lưu tâm đến các mặt còn hạn chế của nó là hoàn toàn có cơ sở. Tất nhiên sự tác động của tôn giáo cần được xem xét cụ thể trong quan hệ với các quá trình xã hội cụ thể và những tác nhân của quá trình đó sao cho phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay.